

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND-KTNS ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định của Trung ương tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(Có phụ lục chi tiết số 01 kèm theo)



2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo tính đặc thù của địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(Có phụ lục chi tiết số 02 kèm theo)

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 do ngân sách Trung ương đảm bảo và được bổ sung từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ TC, Bộ NV;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phươ*



Huỳnh Thị Hằng



PHỤ LỤC 01
QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIẠN ĐƯỢC HƯỚNG HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NIỆM KỶ 2021 - 2026 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Nội dung chi			
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị			
a	Chi hội nghị thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.			
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018; Căn cứ Công văn 3739/UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn định mức chi các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.			
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
-	Thành viên, Thư ký tham dự	80.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
-	Các đối tượng phục vụ	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử			
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
a	Trưởng đoàn giám sát	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	100.000 đồng/người/buổi	70.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát			
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	80.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi	0

-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
d	Chi xây dựng các báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	2.000.000 đồng/báo cáo	1.500.000 đồng/báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác	1.000.000 đồng/báo cáo	800.000 đồng/báo cáo	500.000 đồng/báo cáo
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	1.500.000 đồng/báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo	800.000 đồng/báo cáo
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/người/báo cáo	150.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/báo cáo	100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/người/báo cáo
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	500.000 đồng/báo cáo	400.000 đồng/báo cáo	300.000 đồng/báo cáo
4	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.			
b	Chi xây dựng các văn bản khác liên quan đến công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử, các tiểu ban, Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử):			
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	2.000.000 đồng/văn bản	1.500.000 đồng/văn bản	1.000.000 đồng/văn bản
-	Xin ý kiến bằng văn bản của chuyên gia (số lượng người tối đa được xin ý kiến không quá 02 người/văn bản)	250.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/báo cáo	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/người/báo cáo	150.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/báo cáo
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 800.000 đồng/người/báo cáo	150.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/báo cáo	100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/người/báo cáo

5	Chi bồi dưỡng kinh phí cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc phục vụ bầu cử	1.800.000 đồng/người/tháng	1.400.000 đồng/người/ tháng	1.000.000 đồng/người/ tháng
-	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc:	1.600.000 đồng/người/tháng	1.200.000 đồng/người/ tháng	800.000 đồng/người/ tháng
-	Thành viên, Thư ký các Tiểu ban, Tổ giúp việc phục vụ bầu cử	1.400.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/ tháng	600.000 đồng/người/ tháng
Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế; tính từ thời điểm Ủy ban bầu cử tỉnh thành lập đến khi Ủy ban bầu cử tỉnh kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 5 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo các quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.				
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	100.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	1.500.000 đồng/người/tháng	1.200.000 đồng/người/tháng	1.000.000 đồng/người/tháng
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử, ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng Tổ giúp việc phục vụ bầu cử	400.000 đồng/người/tháng	300.000 đồng/người/tháng	150.000 đồng/người/tháng

b	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ giúp việc	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng
c	Thành viên, Thư ký các Tiểu ban, Tổ giúp việc phục vụ bầu cử	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng	50.000 đồng/người/tháng
d	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, tính từ thời điểm Ủy ban bầu cử tỉnh thành lập đến khi kết thúc nhiệm vụ; nhưng tối đa không quá 5 tháng.			
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp công dân	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	30.000 đồng/người/buổi
8	Chi đóng hòm phiếu (Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)			
-	Chi đóng hòm phiếu tại nơi bỏ phiếu	350.000 đồng/hòm phiếu	350.000 đồng/hòm phiếu	350.000 đồng/hòm phiếu
9	Chi khắc dấu (Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	250.000 đồng/dấu	0	0
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp bảng niêm yết cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	1.500.000 đồng/bảng	1.500.000 đồng/bảng	1.500.000 đồng/bảng
11	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/trang thông tin điện tử; Đài truyền thanh cấp huyện; Bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.			
12	Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo kế hoạch của Ủy ban bầu cử tỉnh và theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.			
13	Chi hỗ trợ cho địa điểm tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc cử tri (Trang trí khánh tiết, điện, nước...)			500.000 đồng/cuộc
14	Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			



PHỤ LỤC 02

QUY ĐỊNH MỨC CHI ĐẶC THÙ Ở ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Nội dung chi	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	In ấn tài liệu theo số lượng và đơn giá thực tế (Tạm tính)			2,360,004,000
II	Mua văn phòng phẩm, vật chất cho UBBC, tổ bầu cử			1,656,500,000
1	Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác phục vụ cho UBBC, Sở Nội vụ			50,000,000
2	Văn phòng phẩm cho huyện	11	6,000,000	66,000,000
3	Văn phòng phẩm cho xã, phường, thị trấn	111	1,000,000	111,000,000
4	Khoán vật chất cho Tổ bầu cử	953	1,500,000	1,429,500,000
III	Nhiên liệu			739,000,000
1	Nhiên liệu cho Sở Nội vụ hoạt động	4	25,000,000	100,000,000
2	Nhiên liệu cho BCD bầu cử	19	2,000,000	38,000,000
3	Nhiên liệu cho UBBC cấp tỉnh	29	1,000,000	29,000,000
4	Nhiên liệu cho 2 Ban bầu cử Quốc hội	2	10,000,000	20,000,000
5	Nhiên liệu cho Ban bầu cử HĐND tỉnh	22	10,000,000	220,000,000
6	Nhiên liệu cho cấp huyện	11	10,000,000	110,000,000
7	Nhiên liệu cho cấp xã	111	2,000,000	222,000,000
IV	Chi điện thấp sáng, nước sinh hoạt, điện thoại, cước bưu điện			452,000,000
1	Cấp tỉnh			42,000,000
	Chi hỗ trợ điện thấp sáng phục vụ bầu cử (cấp tỉnh)	4	7,000,000	28,000,000
	Chi hỗ trợ nước sinh hoạt phục vụ bầu cử (cấp tỉnh)	4	1,000,000	4,000,000
	Chi hỗ trợ điện thoại bàn phục vụ bầu cử (cấp tỉnh)	4	1,500,000	6,000,000
	Chi hỗ trợ cước bưu điện phục vụ bầu cử (cấp tỉnh)	4	1,000,000	4,000,000
2	Cấp huyện			77,000,000
	Chi khoán hỗ trợ điện thấp sáng, nước sinh hoạt, điện thoại bàn, cước bưu điện (cấp huyện)	11	7,000,000	77,000,000
3	Cấp xã			333,000,000
	Chi khoán hỗ trợ điện thấp sáng, nước sinh hoạt, điện thoại bàn, cước bưu điện (cấp xã)	111	3,000,000	333,000,000
V	Chi cho lực lượng công an, quân đội và lực lượng bảo vệ khác (khoán)			273,000,000
1	Chi hỗ trợ cho lực lượng công an tỉnh			50,000,000
2	Chi hỗ trợ cho lực lượng công an huyện	11	7,000,000	77,000,000

3	Chi hỗ trợ cho lực lượng BCHQS tỉnh			40,000,000
4	Chi hỗ trợ cho lực lượng BCHQS huyện	11	6,000,000	66,000,000
5	Chi hỗ trợ cho lực lượng BCH Bộ đội biên phòng tỉnh			40,000,000
VI	Chi cho cán bộ nghiệp vụ và làm thêm giờ			236,500,000
1	Chi hỗ trợ làm thêm giờ (Sở Nội vụ)			70,000,000
2	Chi khoán cho lực lượng trung tập viết danh sách cử tri	111	1,500,000	166,500,000
VII	Chi tuyên truyền (Chi theo thực tế và căn cứ vào Kế hoạch của Tiểu ban Tuyên truyền năm 2021)			
VIII	Chi cho các tổ chức khác làm bầu cử (khoán)			120,000,000
1	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh			30,000,000
2	Ủy ban nhân dân tỉnh			30,000,000
3	Ban Tổ chức Tỉnh ủy			30,000,000
4	Sở Tài chính			30,000,000
IX	Chi khác			180,000,000
	Chi tiếp các Đoàn Trung ương vào kiểm tra tình hình bầu cử, ăn uống các ngày trước và ngày bầu cử và các huyện, thị xã, thành phố về báo cáo kết quả bầu cử(tạm tính)			100,000,000
1	Chi sửa xe phục vụ bầu cử			50,000,000
2	Chi bốc xếp, vận chuyển tài liệu (Vận chuyển tài liệu xuống từng huyện, thị xã, thành phố)			30,000,000
3				

